

**TCVN**

**TIÊU CHUẨN VIỆT NAM**

**TCVN 7375: 2004**

**CHẤT LƯỢNG ĐẤT – GIÁ TRỊ CHỈ THỊ VỀ HÀM LƯỢNG  
KALI TỔNG SỐ TRONG ĐẤT VIỆT NAM**

*Soils quality – Index values of total potassium content in the soils of Vietnam*

**HÀ NỘI – 2004**

## Lời nói đầu

TCVN 7375: 2004 do Ban Kỹ thuật Tiêu chuẩn TCVN/TC190 "*Chất lượng đất*" biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành

# Chất lượng đất – Giá trị chỉ thị hàm lượng kali tổng số trong đất Việt Nam

*Soils quality – Index values of total potassium content in the soils of Vietnam*

## 1 Phạm vi áp dụng

1.1 Tiêu chuẩn này quy định khoảng giá trị chỉ thị của hàm lượng kali tổng số (K, %) trong một số nhóm đất chính của Việt Nam. Chỉ thị này làm cơ sở cho việc sử dụng đất, sử dụng phân bón một cách hiệu quả và hợp lý nhằm bảo vệ chất lượng môi trường đất và phòng tránh ô nhiễm nước.

1.2 Tiêu chuẩn này được áp dụng để đánh giá chất lượng đất nói chung và đánh giá mức độ suy giảm dinh dưỡng về kali của đất qua đó có thể xác định nguồn phát tán kali vào môi trường đất từ phân bón, phế thải,...v.v.

## 2 Tiêu chuẩn viện dẫn

TCVN 4046: 1985 Đất trồng trọt – Phương pháp lấy mẫu

TCVN 4053: 1985 Đất trồng trọt – Phương pháp xác định tổng số kali

TCVN 5297:1995 Chất lượng đất – Lấy mẫu – Yêu cầu chung

TCVN 6647:2000 (ISO 11464:1994) Chất lượng đất – Xử lý sơ bộ đất để phân tích lý-hoá.

## 3 Thuật ngữ định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này sử dụng các thuật ngữ và được hiểu như sau:

**3.1 Giá trị chỉ thị (Index value)**

Là khoảng giá trị hàm lượng tổng số của nguyên tố kali thường gặp trong một số nhóm đất chính.

**3.2 Giá trị trung bình (Mean value)**

Là giá trị trung bình cộng của tất cả các mẫu được xét đến, tính theo công thức:

$$\text{Giá trị trung bình} = \frac{\text{Tổng các giá trị}}{\text{Tổng số mẫu}}$$

**4 Giá trị chỉ thị**

Giá trị chỉ thị của hàm lượng kali tổng số trong 6 nhóm đất chính của Việt Nam được đưa ra trong bảng 1.

Phương pháp lấy mẫu và phương pháp xác định theo các TCVN hiện hành như nêu trong điều 2 của tiêu chuẩn này.

**Bảng 1 - Giới hạn chỉ thị về hàm lượng kali tổng số trong 6 nhóm đất chính của Việt Nam**

Nhóm đất	Kali tổng số (K <sub>2</sub> O,%)	
	Khoảng giá trị	Trung bình
1. Đất đỏ	Từ 0,02 đến 1,00	0,15
2. Đất phù sa	Từ 0,03 đến 2,35	1,05
3. Đất xám bạc màu	Từ 0,03 đến 0,40	0,15
4. Đất phèn	Từ 1,00 đến 1,40	1,20
5. Đất mặn	Từ 1,20 đến 2,00	1,35
6. Đất cát ven biển	Từ 0,02 đến 0,30	0,12